TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 11 năm 2019
"V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ***Bà Đoàn Thị Thu Trang***
Các hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Lê Đăng Huấn.
2/ Ông Nguyễn Văn Lam.
Thư ký phiên tòa: ***Ông Nguyễn Mậu Tuân*** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: *Ông* ***Nguyễn Đăng Khoa*** - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 242/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QDST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982. (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, Đ.
Hiện trú tại: Tổ 2, Tổ dân phố 8, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đ.
Bị đơn: Ông Bùi Văn U, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Tổ 2, Tổ dân phố 8, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề 12/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2004 bà và ông Bùi Văn U cưới nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P trên tinh thần tự nguyện yêu thương. Cuộc sống chung hạnh phúc trong một thời gian thì đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, lý do ông U thường xuyên uống rượu về đánh đập mẹ con bà, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến tháng 12/2015 bà dẫn con về nhà mẹ ruột ở, cho đến tháng 8/2016 bà quay về mong đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con, nhưng ông U không thay đổi tính tình, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Do đó đến cuối năm 2016 bà và ông U ly thân đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể níu kéo để đoàn tụ nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông U ly hôn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông U có 02 con chung là Bùi Thị Hải N, sinh ngày 02/11/2005 và Bùi Tấn Hải Q, sinh ngày 23/7/2007. Hiện các cháu đang sống với bà nên bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông U phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bà.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Bùi Văn U tại phiên tòa hôm nay vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với ông Bùi Văn U nhưng ông U đều vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Krông Năng đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, cho bà Hà được ly hôn với ông U.

Về con chung: Đề nghị giao 02 cháu Bùi Thị Hải N và Bùi Tấn Hải Q cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông U không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Xét qua đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, nuôi con chung", bị đơn ông Bùi Văn U có nơi cư trú tại thị trấn K, huyện K, tỉnh Đ. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Bùi Văn U vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Năng tiến hành xét xử vắng bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 98, quyển số 11/2004 của UBND xã P, huyện K, tỉnh Đ thì xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn Ulà quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình hai người không hợp nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ năm 2016 đến nay hai người đã sống ly thân. Tại phiên tòa, bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông U

Căn cứ vào biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi bà H, ông U sinh sống đều xác nhận tình trạng hôn nhân của bà H, ông U có mâu thuẫn, hai người

đã sống ly thân. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà, cho bà Nguyễn Thị H ly hôn với ông Bùi Văn U.

[2.2] Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, giữa bà H, ông U có 02 con chung tên là Bùi Thị Hải N, sinh ngày 02/11/2005, Bùi Tấn Hải Q, sinh ngày 23/7/2007. Hiện nay cả hai con chung đều đang sống cùng bà H.

HĐXX xét thấy việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là trách nhiệm của cả cha và mẹ. Tuy nhiên hiện 02 cháu đang sống cùng bà H và nguyện vọng của 02 cháu cũng mong muốn được ở với mẹ. Căn cứ theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu N và Q cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà H không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Bùi Văn U.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Bùi Thị Hải N, sinh ngày 02/11/2005 và Bùi Tấn Hải Q, sinh ngày 23/7/2007 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Hà không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Ông Bùi Văn Út có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0014961 ngày 23 tháng 7 năm 2019. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thu Trang